

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 17-01-2025

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vui.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Ngọc Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tạ Thị D**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1966 (có mặt).

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2024 trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Tạ Thị D trình bày:*

Năm 2020 bà D có cho bà M, ông H vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) khi vay có làm biên nhận nợ, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để làm vốn làm ăn sinh sống, phục vụ kinh tế gia đình, tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà M, ông H vẫn không trả lại cho chị D số tiền vốn đã vay, bà D đã nhiều lần yêu cầu bà M, ông H phải trả lại cho bà D số tiền còn nợ là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) nhưng đến nay vẫn không trả. Nay bà D yêu

cầu bà M và ông H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền còn nợ là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thị M trình bày:** Bà M thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà D số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) như bà D yêu cầu, mục đích bà M vay tiền là để chăn nuôi phục vụ kinh tế gia đình nhưng bị thua lỗ, đây là số nợ riêng của bà M ông H hoàn toàn không biết việc bà M vay tiền của bà D, nay bà D khởi kiện yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) thì bà M đồng ý.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Tạ Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà D và bị đơn bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn H. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] Bà Tạ Thị D khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị D số tiền còn nợ 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án bà D có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ viết tay và có chữ ký tên ghi rõ họ tên “Trần Thị M” bà M cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của bà.

Bà Trần Thị M cũng thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà Tạ Thị D số tiền còn nợ 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Đối với ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu của bà D. Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng, bà M trình bày việc ông H có chở bà M đến nhà bà D để lấy tiền nhưng ông H không biết việc vay tiền của bà D, tuy nhiên bà M vay tiền của bà D là để chăn nuôi phục vụ kinh tế gia đình nhưng bị thua lỗ, hiện nay ông bà vẫn còn sống chung, căn cứ khoản 1, Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 ông H phải có nghĩa vụ cùng với bà M có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

[4] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở để buộc bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị D số tiền còn nợ 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn H phải nộp 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1, Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Diễm .

Buộc bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị D số tiền còn nợ 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn H phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tạ Thị D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Tạ Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009516 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người nguyên đơn; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- L.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn V

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- L.

Huỳnh Văn V

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn V

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- L.

Huỳnh Văn V

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn V

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui